

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/BC-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO

Việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 25/4
	Ngày: 25/4

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Điều 25 Luật Bình đẳng giới, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2013 với những nội dung cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch và dự án phát triển kinh tế - xã hội

a) Việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật

Sau gần 8 năm triển khai Luật Bình đẳng giới, đến nay, việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách, mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới và việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được các cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động hơn so với trước. Hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật được xác định có vấn đề giới đều được cơ quan chủ trì soạn thảo tiến hành lồng ghép vấn đề bình đẳng giới. Bên cạnh đó, các cơ quan có trách nhiệm trong việc đóng góp ý kiến, đánh giá, thẩm định văn bản về nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tích cực tham gia quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; có ý kiến phản biện xã hội về chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện trách nhiệm phối hợp đánh giá lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Bộ Tư pháp từng bước thực hiện tốt việc đánh giá lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội ban hành. Năm 2013, nhiều văn bản liên quan tới công tác bình đẳng giới đã được ban hành:

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành đã ban hành hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành theo thẩm quyền hơn 40 văn bản quy phạm pháp luật (gồm: Hiến pháp, Luật, Nghị định, Quyết định và Thông tư) liên quan đến lĩnh vực bình đẳng giới. Tiêu biểu như: Luật Việc làm, Luật phòng, chống thiên tai, Luật hòa giải cơ sở, Luật đất đai, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình;... Đặc biệt, sự kiện Quốc hội thông qua Hiến pháp năm 2013 ngày 28 tháng 11 năm 2013 đã đánh dấu mốc quan trọng cho hoạt động bình đẳng giới. Lần đầu tiên, thuật ngữ về bình đẳng giới đã chính thức được đưa vào đạo luật cơ bản nhất trong hệ thống pháp luật của quốc gia, từ đó tạo tiền đề cho việc triển khai xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới sau này¹.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản số 289/LĐTBXH-BĐG ngày 28 tháng 01 năm 2013 về việc triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới năm 2013, nội dung tập trung hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ của Bộ được quy định trong Luật Bình đẳng giới, Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới. Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam (UBQG) có văn bản hướng dẫn hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Theo báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, hiện nay có 41 tỉnh, thành phố đã ban hành Chỉ thị thúc đẩy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó, 09 tỉnh, thành phố và một số Bộ, ngành cũng đã ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác bình đẳng giới.

- Nhiều Bộ, ngành, địa phương đã chủ động xây dựng các chính sách riêng nhằm hỗ trợ phụ nữ. Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải ban hành Kế hoạch hành động về tăng cường công tác cán bộ nữ trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ. Ban Cán sự Đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã ban hành Nghị quyết, trong đó chỉ đạo xây dựng và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng, ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ để tạo sự chủ động trong việc quy hoạch, bổ nhiệm. Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, trong đó chỉ đạo: rà soát, đánh giá tỷ lệ cán bộ nữ, yêu cầu tỷ lệ nữ bảo đảm không dưới 15% trong danh sách quy hoạch; trong việc xác định tiêu chuẩn chức danh cán bộ yêu cầu tăng tỷ lệ cán bộ nữ. Bộ Nội vụ ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đã có nội dung ưu tiên đối với cán bộ công chức nữ.

¹ Phụ lục I kèm theo.

Một số Bộ, ngành, địa phương khác đã có chế độ khuyến khích bằng tài chính nhằm động viên các chị em khi tham gia học tập, nghỉ thai sản.

b) Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chiến lược, chương trình, kế hoạch và dự án phát triển kinh tế - xã hội

- Trong năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số Chiến lược, Chương trình, chính sách có quy định liên quan tới bình đẳng giới như: Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (trong đó đặt ra chỉ tiêu giảm tỷ suất chết của bà mẹ); Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020 (trong đó có mục tiêu giảm tỷ lệ hút thuốc lá trong nhóm đối tượng là nữ giới xuống dưới 1,4% vào năm 2020); Chiến lược phát triển bóng đá Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (đặt ra chỉ tiêu bóng đá nữ đứng trong nhóm 6 quốc gia mạnh khu vực châu Á); Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 (một trong nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược là thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ);...

- Để thúc đẩy lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội hàng năm, thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2014 (công văn số 4480/BKHĐT-TH ngày 28 tháng 6 năm 2013) trong đó có nội dung về bình đẳng giới; đồng thời đánh giá việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ trong từng lĩnh vực giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, giáo dục và bình đẳng giới.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

- Năm 2013 đánh dấu một năm có khá nhiều hoạt động tuyên truyền ấn tượng về bình đẳng giới. Tiêu biểu là ba sự kiện lớn sau:

+ Tổ chức thành công “Diễn đàn đối thoại chính sách về bình đẳng giới” do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Trưởng Điều phối viên Liên hợp quốc đồng chủ trì với sự tham gia của hơn 200 đại biểu đến từ các Bộ, ngành, cơ quan và tổ chức phát triển, các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam. Tại Diễn đàn, đại diện cơ quan của Chính phủ và Liên hợp quốc đã trao đổi cùng các đại biểu về những thành công và thách thức trong việc thực hiện Luật Bình đẳng giới và Luật phòng, chống bạo lực gia đình trong 5 năm qua. Đối thoại thường niên này luôn được các bên tham gia đánh giá cao và được coi là hoạt động định hướng cho việc hợp tác về bình đẳng giới trong năm.

+ Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam kết hợp với Tọa đàm cấp cao bàn giải pháp tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các vị trí quản lý, lãnh đạo. Hoạt động này được tổ chức nhằm tạo diễn đàn để các nhà lãnh đạo cấp cao cùng trao đổi, thảo luận

về chặng đường 20 năm UBQG hình thành, phát triển, những tác động tích cực đối với sự tiến bộ của phụ nữ ở Việt Nam; thảo luận về những giải pháp nhằm tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, đặc biệt là các hoạt động chuẩn bị cho kỳ bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp giai đoạn 2016 - 2021. Tọa đàm được Lãnh đạo UBQG qua các thời kỳ và nhà tài trợ đánh giá tốt về ý nghĩa thiết thực của Lễ kỷ niệm gắn với hoạt động trọng tâm của UBQG trong suốt 20 năm xây dựng và trưởng thành và chất lượng của Tọa đàm. Nhân sự kiện này, UBQG đã xuất bản Kỷ yếu “Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam - 20 năm hình thành, phát triển và hội nhập” và sản xuất phim phóng sự về chặng đường phát triển của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam;

+ Hưởng ứng Ngày Quốc tế phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái 25 tháng 11 và Năm Gia đình Việt Nam năm 2013, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đã phối hợp với Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và các tổ chức phi chính phủ tổ chức thành công Chiến dịch “Chung tay phòng, chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái” và gây hiệu ứng tốt cho công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới... Để đóng góp vào Chiến dịch này, trong khuôn khổ Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức cuộc thi vẽ tranh cổ động tuyên truyền về bình đẳng giới năm 2013. Cuộc thi đã thu hút 120 tác giả từ nhiều tỉnh, thành trong cả nước tham gia với 236 tác phẩm được gửi về dự thi. Cuộc thi được đánh giá là đạt chất lượng chuyên môn cao về nội dung và nghệ thuật. Các thông điệp về bình đẳng giới được truyền tải rõ nét và phong phú. Kết quả của Cuộc thi chọn được 16 tranh đạt giải và 38 tranh đạt chất lượng tốt, các tranh được trưng bày triển lãm tại Bảo tàng Phụ nữ. Lễ trao giải và triển lãm cuộc thi đã thu hút sự tham gia của nhiều đại biểu đến từ các Bộ, ngành, địa phương và công chúng quan tâm.

Thông qua các hoạt động nêu trên, hàng trăm nhà lãnh đạo cấp cao, các nhà hoạch định chính sách, các cán bộ Hội phụ nữ và Hội nông dân đã trực tiếp được tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, góp tiếng nói ủng hộ cho công tác bình đẳng giới được triển khai thuận lợi hơn.

Trong năm 2013, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với hình thức và đối tượng truyền thông đa dạng, thiết thực, hiệu quả.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện đề án thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới qua các ấn phẩm, chương trình phát thanh, truyền hình và nhiều hình thức

khác; chỉ đạo, hướng dẫn Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và các cơ quan thông tin đại chúng thực hiện tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới. Tiếp tục chỉ đạo các nhà xuất bản không xuất bản các sách, tài liệu có nội dung phân biệt đối xử về giới, định kiến giới dưới mọi hình thức.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đã xuất bản và phát hành miễn phí trên 10 đầu ấn phẩm truyền thông với trên 130.000 sản phẩm. Nhiều tài liệu được xuất bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, đặc biệt Tờ rơi tuyên truyền về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị được xuất bản song ngữ bằng tiếng Dân tộc Tày và H'Mông. Duy trì các hoạt động thường niên như: phát hành Bản tin phụ nữ và Tiến bộ bằng hai thứ tiếng Việt và Anh, duy trì cập nhật thông tin lên website Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam và Trung tâm nguồn tư liệu về giới hoạt động như một thư viện điện tử; tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về bình đẳng giới.

- Bộ Tư pháp đã xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; chỉ đạo, hướng dẫn các Sở Tư pháp, pháp chế Bộ, ngành tăng cường số lượng đầu sách và nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn; hướng dẫn mở rộng Tủ sách pháp luật tới các cơ quan, doanh nghiệp và trường học. Bảo đảm các Tủ sách pháp luật ở địa phương đều có các văn bản, tài liệu tuyên truyền pháp luật về bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình... Bên cạnh đó, Bộ cũng đang tiếp tục xây dựng các tài liệu pháp luật dành cho các bậc học (THCS, THPT, Trung tâm học tập cộng đồng) nhằm tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận, tìm hiểu kiến thức pháp luật, nâng cao nhận thức cũng như trách nhiệm về bảo vệ quyền của phụ nữ và việc bảo đảm bình đẳng giới trong các trường học.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã lồng ghép tuyên truyền nội dung bình đẳng giới trong các chương trình, kế hoạch triển khai hoạt động của ngành. Đặc biệt, Bộ đã biên soạn và xuất bản 02 cuốn tài liệu "Cẩm nang nữ sinh trường trung học cơ sở" và "Giáo dục giới cho học sinh trung học cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số" để gửi tới 400 trường dân tộc nội trú trong cả nước. Đây là những tài liệu đầu tiên được xuất bản để hướng dẫn cho giáo viên trong việc giáo dục kiến thức giới cho học sinh THCS nói chung và học sinh THCS vùng dân tộc thiểu số nói riêng. Bộ đã tiến hành rà soát và phân tích sách giáo khoa dưới góc độ giới ở cấp quốc gia, qua đó đã xác định được những nội dung có định kiến giới trên các phần mục (tác giả, đề mục, nội dung bài học, hình ảnh minh họa, hoạt động dành cho học sinh và đánh giá trong sách giáo khoa các môn học ở phổ thông) và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề về giới, loại bỏ thông tin,

hình ảnh, kiến thức mang định kiến giới trong xây dựng chương trình, sách giáo khoa phổ thông mới sau năm 2015.

- Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và nhiều cơ quan thông tin đại chúng đã có chương trình, chuyên mục đưa tin, tuyên truyền về bình đẳng giới góp phần nâng cao nhận thức về công tác bình đẳng giới. Các bản tin thời sự trong ngày, các phóng sự ngắn được các Đài phát sóng thường xuyên. Các chuyên đề về bình đẳng giới, về phụ nữ ngày một nhiều hơn, thời lượng phát sóng tăng hơn so với trước. Một số chương trình thu hút được sự quan tâm của công chúng như: Sức sống mới, Làm đẹp, Người xây tổ ấm, Nuôi con khôn lớn, Mình là phụ nữ, Bí quyết khỏe đẹp, Quà tặng cuộc sống, O2 TV,.....

- Hầu hết các địa phương đã tích cực triển khai hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới. Hoạt động tuyên truyền thường được tổ chức với nội dung và hình thức phong phú, đa dạng như: phát hành tờ rơi, pano, áp phích, băng rôn, biểu ngữ xây dựng bản tin, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm về bình đẳng giới trên sóng phát thanh, truyền hình địa phương, tổ chức thi tìm hiểu về Luật Bình đẳng giới với hình thức sân khấu hóa, tổ chức thi, giao lưu giữa các Câu lạc bộ cộng đồng. Một số địa phương triển khai tốt công tác tuyên truyền như: Bắc Kạn, An Giang, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Bắc Ninh,.....

3. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hoạt động về bình đẳng giới

a) Về kiện toàn tổ chức bộ máy

- Tổ chức bộ máy về bình đẳng giới tiếp tục được quan tâm kiện toàn: Ở trung ương, Ủy ban Dân tộc chuyển giao trách nhiệm tham mưu nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới từ Vụ Tổng hợp sang Vụ Dân tộc thiểu số thực hiện: Bộ Công an giao cho Cục công tác đảng và công tác quần chúng thực hiện. Ở địa phương, đã có thêm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh thành lập Phòng Bình đẳng giới, như vậy, hiện nay, cả nước đã có 13 địa phương thành lập được Phòng Bình đẳng giới hoặc bổ nhiệm được trưởng Phòng Bình đẳng giới tại các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Miền Bắc: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nam, Lào Cai, Yên Bái; Miền Trung: Nghệ An; Miền Nam: Tp Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Sóc Trăng, Hậu Giang, Cần Thơ, Phú Yên), còn lại được giao trong nhiệm vụ của Văn phòng Sở hoặc một phòng nghiệp vụ khác.

- Trong hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2009 về việc thành lập, kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ ở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, 100% tỉnh, thành phố đã thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tới cấp huyện. Cơ quan trưởng trực hầu hết đã giao cho ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, riêng thành phố Đà Nẵng vẫn để tại ngành Kế hoạch

và Đầu tư. Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vẫn tiếp tục duy trì và triển khai hoạt động đều đặn.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn

- Năm 2013, bên cạnh việc chú trọng phát triển tài liệu đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức được 15 lớp đào tạo tập huấn cho trên 1.000 lượt cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp và các cán bộ có liên quan đến việc triển khai các Mô hình của Chương trình quốc gia về bình đẳng giới. Riêng cấp xã, đã tổ chức thí điểm được 05 năm lớp với tổng số cán bộ cấp xã là 135 người. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang tiếp tục hỗ trợ tài liệu tập huấn và giới thiệu giảng viên, báo cáo viên cho các Bộ, ngành, địa phương tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các Bộ, ngành, địa phương cũng đã rất tích cực tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ..

4. Về công tác xây dựng, duy trì các mô hình cung cấp dịch vụ, hỗ trợ bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

Thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015, năm 2013, cả nước đã xây dựng, duy trì các Mô hình thực hiện bình đẳng giới như:

- Mô hình hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm, khởi sự và phát triển doanh nghiệp: hiện đã có 4/10 đơn vị được lựa chọn để triển khai mô hình này (02 đơn vị thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ và 02 đơn vị thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội). Trong giai đoạn này, các đơn vị được lựa chọn triển khai thí điểm mô hình tập trung vào đào tạo về khởi sự và phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ quảng bá sản phẩm; liên kết với các ngân hàng để giúp phụ nữ được vay vốn phát triển doanh nghiệp. Việc thực hiện mô hình này sẽ góp phần tăng tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp, nâng cao vai trò tự chủ và độc lập về kinh tế của phụ nữ.

- Mô hình thí điểm xây dựng nhà giữ trẻ trong cơ quan, trung tâm dạy nghề và các khu công nghiệp, khu chế xuất: trong giai đoạn 2012 - 2013, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Công an và các tỉnh Hà Nam, Bắc Giang xây dựng được 04 mô hình thí điểm tại 02 đơn vị của Bộ Công an và 02 khu công nghiệp của tỉnh Hà Nam, Bắc Giang. Mô hình đã được đánh giá cao bởi tính hiệu quả, đáp ứng việc gửi trẻ theo giờ giấc linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ và nam giới tăng cường tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Mô hình hỗ trợ 315 xã (mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chọn 5 xã) xây dựng, sửa đổi quy ước, hương ước bảo đảm nguyên tắc bình đẳng

giới. Mô hình này do Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch chủ trì hướng dẫn triển khai thực hiện.

- Mô hình ngăn ngừa, giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới tại 63 xã: Trong giai đoạn 2011 - 2015, kinh phí trung ương sẽ hỗ trợ mỗi tỉnh, thành phố xây dựng và triển khai mô hình này trên địa bàn 01 xã. Tính đến hết năm 2013, 100% tỉnh, thành phố đã tổ chức triển khai mô hình, một số địa phương đã tổ chức đánh giá và cố địa phương đã tiến hành nhân rộng mô hình từ nguồn ngân sách địa phương như tỉnh Bến Tre, Quảng Ninh...đưa tổng số xã thực hiện mô hình này lên 75 xã².

- Mô hình thí điểm về dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về bình đẳng giới tại 30 xã, phường, thị trấn ở miền núi, vùng cao cho đồng bào dân tộc thiểu số³. Ủy ban Dân tộc đã ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện mô hình này..

- Thí điểm thành lập và vận hành Trung tâm công tác xã hội cung cấp dịch vụ hỗ trợ thực hiện hoạt động bình đẳng giới tại một số tỉnh, thành phố. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định về việc quy định tạm thời chuẩn trang thiết bị của Trung tâm công tác xã hội cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về bình đẳng giới (Quyết định số 615/QĐ-LĐTBXH ngày 16 tháng 4 năm 2013) đồng thời hỗ trợ kinh phí đề 2 Trung tâm công tác xã hội tại tỉnh Đắk Lắk và Bến Tre mua sắm trang thiết bị tổ chức thực hiện dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về bình đẳng giới.

- Trong khuôn khổ Chương trình quốc gia về bình đẳng giới (Dự án 3 về nâng cao năng lực cho đội ngũ nữ đại biểu Quốc hội, nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nữ cán bộ quản lý, nữ lãnh đạo các cấp; nữ ứng cử đại biểu Quốc hội, nữ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2020, nữ cán bộ thuộc diện quy hoạch) và dự án “Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ nữ phục vụ triển khai hội nhập quốc tế” do UNDP tài trợ, năm 2013, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đã tổ chức tập huấn và hội thảo kết nối mạng lưới trao đổi kinh nghiệm về bình đẳng giới cho khoảng 1.000 lượt đại biểu đại diện cho Hội đồng nhân dân các cấp, nữ cán bộ trong diện quy hoạch; nữ cán bộ lãnh đạo; thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ; cán bộ làm công tác hoạch định, tổ chức triển khai các chính sách tác động trực tiếp đến công tác cán bộ nữ của các tỉnh Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Hậu Giang, Điện Biên.

Bên cạnh việc triển khai các mô hình nêu trên từ nguồn ngân sách nhà nước, một số mô hình hỗ trợ phụ nữ và bình đẳng giới đã được triển khai khá hiệu quả thông qua sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quốc gia và tổ chức quốc tế, đó là:

² Phụ lục II kèm theo

³ Phụ lục III kèm theo

- Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc đã hợp tác, hỗ trợ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai xây dựng và duy trì mô hình Trung tâm nâng cao năng lực dạy nghề cho phụ nữ tại thành phố Cần Thơ và nhân rộng mô hình này tại tỉnh Thái Bình trong năm 2013. Các hoạt động của mô hình được tập trung vào việc đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm và cung cấp một số dịch vụ thiện nguyện dành cho lao động nữ;

- Nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các hệ quả tiêu cực của hôn nhân có yếu tố nước ngoài tại các địa bàn có nhiều trường hợp phụ nữ kết hôn với người nước ngoài, Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR) tiếp tục hỗ trợ để Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan liên quan duy trì và nhân rộng mô hình Nhóm tư vấn cộng đồng dưới hình thức Câu Lạc bộ về bình đẳng giới và hôn nhân gia đình. Kể từ năm 2011 - 2013, đã có 13 tỉnh, thành phố triển khai mô hình này với tổng số 50 CLB được thành lập, thu hút hơn 1.000 hội viên ở cấp thôn, xóm, ấp tham gia;

Các mô hình đi vào hoạt động đã góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội cũng như các cấp chính quyền địa phương trong việc quan tâm tạo điều kiện để phụ nữ được tham gia nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội, góp phần thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới thực chất.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

- Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới, trong năm 2013, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới tại các địa phương, doanh nghiệp như: Khánh Hòa, Đắk Lắk, Cà Mau, Hà Nam, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Định, Cần Thơ, Vĩnh Long, Bến Tre, Hải Phòng... Qua kiểm tra, nắm tình hình đã kiến nghị để các địa phương, thực hiện tốt hơn công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới cũng như thực hiện đúng chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

- Bên cạnh đó, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam đã tổ chức được 11 đoàn kiểm tra hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ tại 04 Bộ, ngành và 18 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Kết quả kiểm tra cho thấy, các đơn vị, địa phương đều đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015; công tác tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ đã được tập trung triển khai khá bài bản. Tuy nhiên, còn một số khó khăn, tồn tại trong thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các đơn vị được kiểm tra là: đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ chưa được bố trí và quan tâm đúng mức; việc đôn đốc, kiểm tra các đơn vị cấp dưới trong triển khai công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ chưa được thực hiện thường xuyên; cơ chế phối hợp liên ngành chưa được quan tâm đầy đủ, cơ quan thường trực của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ gặp khó khăn.

- Báo cáo từ các Bộ, ngành, địa phương cho biết, việc triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bình đẳng giới đã được quan tâm thực hiện. Kết quả cho thấy, các đơn vị đã thực hiện nghiêm túc việc tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ giữ vị trí quản lý, lãnh đạo; chưa phát hiện có sai phạm nào liên quan tới thực hiện bình đẳng giới.

6. Công tác nghiên cứu, thống kê, công bố thông tin, số liệu về bình đẳng giới

- Về công tác nghiên cứu, một số Bộ, ngành đã triển khai các hoạt động nghiên cứu về bình đẳng giới và phụ nữ. Cụ thể như: Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai tổ chức thực hiện 02 nhiệm vụ nghiên cứu cấp quốc gia “Phát huy nguồn nhân lực nữ trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và “Vai trò và vị thế nữ trí thức Việt Nam trong phát triển xã hội bền vững”; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và một số nhà nghiên cứu triển khai 02 nghiên cứu về vấn đề bạo lực trên cơ sở giới nhằm cung cấp cơ sở lý luận và bằng chứng thực tiễn cho hoạt động ngăn ngừa, giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới ở Việt Nam.

- Nhiều Bộ, ngành, địa phương chủ động triển khai các nghiên cứu ở cấp Bộ, ngành, địa phương các nội dung liên quan tới quản lý của ngành hoặc ở phạm vi địa phương từ góc độ giới.

- Về công tác thống kê, công bố thông tin, số liệu về bình đẳng giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trong lộ trình phối hợp và hướng dẫn các Bộ ngành, các tổ chức liên quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp theo Quyết định số 15/QĐ-TTG ngày 17 tháng 2 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng cho các Bộ, ngành. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng cơ chế cung cấp thông tin thống kê giữa các bộ ngành với Tổng cục Thống kê. Do đó, tại thời điểm hiện nay công tác thống kê, công bố thông tin, số liệu về bình đẳng giới chính thức vẫn chủ yếu dựa trên cơ sở các số liệu thống kê khai thác từ các cuộc điều tra và một số từ chế độ báo cáo thống kê sẵn có của các Bộ, ngành có liên quan.

- Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tiến hành đánh giá việc lồng ghép các chỉ tiêu thống kê giới nằm trong Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới quốc gia vào trong chế độ báo cáo và trong các cuộc điều tra, tổng điều tra được thực hiện bởi Tổng cục thống kê. Hoạt động đánh giá lồng ghép giới này góp phần hoàn thiện kế hoạch về lộ trình thu thập và cung cấp thông tin về giới của Tổng cục Thống kê, qua đó có thể thấy được một bức tranh cụ thể về thực trạng số liệu thống kê giới thu thập từ các cuộc điều tra và từ chế độ báo cáo.

- Hiện nay, các Bộ, ngành chức năng liên quan đang nỗ lực để xây dựng Kế hoạch triển khai Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia. Một số địa phương đã chủ động triển khai Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia phù hợp với tình hình địa phương.

7. Công tác bố trí kinh phí cho hoạt động bình đẳng giới

- Kinh phí triển khai thực hiện bình đẳng giới và các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ, ngành, địa phương ở các lĩnh vực: hành chính, y tế, giáo dục, văn hóa và bảo đảm xã hội...theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, do đó, chưa thống kê được số liệu kinh phí ngân sách nhà nước bố trí riêng cho công tác bình đẳng giới. Riêng kinh phí bố trí thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, năm 2013, ngân sách trung ương bố trí kinh phí thực hiện Chương trình là 40 tỷ đồng, trong đó: để thực hiện các nhiệm vụ ở cấp Trung ương là 12,91 tỷ đồng và bổ sung có mục tiêu cho các địa phương là 27,09 tỷ đồng. Dự toán năm 2014 bố trí là 20 tỷ đồng, trong đó: Bộ, ngành Trung ương là 4,85 tỷ đồng, bổ sung có mục tiêu cho địa phương là 15,15 tỷ đồng, giảm 50% so với mức bố trí dự toán năm 2013 do ngân sách nhà nước khó khăn.

- Ngoài nguồn ngân sách, hoạt động bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ còn được huy động từ các nguồn tài trợ của quốc tế. Theo thống kê chưa đầy đủ, các dự án ODA song phương và đa phương có lồng ghép nội dung bình đẳng giới vẫn đang được triển khai thực hiện tới tháng 9 năm 2013 (thuộc các Chương trình hợp tác với UN WOMEN, UNFPA, UNDP; Chính phủ các nước Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hà Lan, Đức ...) có tổng số vốn ODA ký kết khoảng 42,03 triệu USD. Tuy nhiên, phần lớn tập trung vào các lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS, dân số, chăm sóc sức khỏe có tác động vào lĩnh vực bình đẳng giới, ít dự án có tính chuyên biệt về bình đẳng giới.

8. Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

Trong năm 2013, Chính phủ tham gia có hiệu quả và đóng góp tích cực trên các diễn đàn song phương và đa phương ở khu vực và toàn cầu về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ. Cụ thể như:

- Trong khuôn khổ hoạt động của Liên hợp quốc, Chính phủ Việt Nam tham gia tích cực các hoạt động do Liên hợp quốc phát động; cử đại diện tham dự khóa họp thường niên lần thứ 57 của Ủy ban địa vị phụ nữ tại trụ sở Liên hợp quốc ở New York với Chủ đề “Xóa bỏ và ngăn chặn tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái”.

- Trong hoạt động hợp tác với ASEAN, Việt Nam tích cực cùng các nước thành viên khác thúc đẩy thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các trọng tâm ưu tiên của ASEAN trong năm 2013 về thúc đẩy và bảo vệ quyền của phụ nữ; cử đoàn công tác tham dự cuộc họp của Ủy ban Bảo vệ và Thúc đẩy quyền của Phụ nữ và Trẻ em ASEAN (ACWC).

- Trong Khuôn khổ Diễn đàn APEC về Phụ nữ và Kinh tế, Việt Nam đã chủ động triển khai các hoạt động theo kế hoạch đã đặt ra nhằm thúc đẩy cơ chế tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia trong lĩnh vực kinh tế. Năm APEC 2013, Việt Nam đã tổ chức Đoàn công tác liên ngành tham dự Diễn đàn APEC về Phụ nữ

và Kinh tế với chủ đề “Phụ nữ với vai trò là người dẫn dắt nền kinh tế”, từ ngày 06 đến ngày 08 tháng 9 năm 2013 tại Ba-li, In-đô-nê-xia. Diễn đàn APEC về Phụ nữ và Kinh tế năm 2013 đã thông qua hai Tuyên bố chung quan trọng, thể hiện vấn đề giới ngày càng được lồng ghép sâu sắc hơn trong các hoạt động của khu vực.

- Bên cạnh đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội với vai trò là cơ quan quản lý Nhà nước về bình đẳng giới đã duy trì công tác trao đổi thông tin cũng như tham gia chuẩn bị các nội dung và báo cáo quốc tế về bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tiếp đón và cung cấp, trao đổi thông tin về giới, bình đẳng giới cho các chuyên gia quốc tế làm việc tại Việt Nam; tổ chức, phối hợp tổ chức và cử đại diện tham dự các hội thảo, tập huấn liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới khác tại một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

- Tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức đa phương, hợp tác song phương, các tổ chức phi chính phủ.

- Nhóm Đối tác hành động về giới (GAP) tiếp tục duy trì đều đặn cuộc họp định kỳ, tạo ra diễn đàn đa chiều, hiệu quả để trao đổi kinh nghiệm, thảo luận về các vấn đề liên quan tới bình đẳng giới ở Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Năm 2013 là năm bản lề của việc triển khai 5 năm đầu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 và Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015. Để tiến hành đánh giá kết quả giá 3 năm thực hiện Chiến lược và 2 năm thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới và tìm ra phương hướng, giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện đạt các mục tiêu đề ra tại Chiến lược cho giai đoạn đến năm 2015, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành công văn số 3111/LĐTBXH-BĐG ngày 04 tháng 11 năm 2013 gửi các Bộ, ngành, địa phương về việc sơ kết tình hình triển khai Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015. Đã có 26/30 Bộ, ngành và 59/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Báo cáo về Bộ. Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới trong năm 2013 đạt được cụ thể như sau:

1. Mục tiêu “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị”

Về cơ bản các chỉ tiêu của Mục tiêu “Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị” giữ ổn định trong cả nhiệm kỳ 2011 - 2016. Năm 2013 có sự thay đổi ở một số trường hợp cụ thể:

- Bộ Chính trị được bầu bổ sung thêm 02 đồng chí, trong đó có 1 nữ. Như vậy lần đầu tiên có 02 đồng chí nữ được bầu vào Bộ Chính trị (chiếm 12,5%); trong năm 2012, 2013 đã có 03 nữ Thứ trưởng và tương đương được bổ nhiệm

và có thêm 01 nữ Bí thư tỉnh ủy (Ninh Bình). Trong ngành Công an, lần đầu tiên có 02 đồng chí nữ được phong quân hàm Thiếu tướng; Bộ Quốc phòng cũng vừa được bổ nhiệm thêm một nữ Thiếu tướng.

- Đối với chức danh lãnh đạo ở các cơ quan Trung ương và địa phương đạt được như sau:

TT	Chức danh	Số lượng
I	Cấp Trung ương ⁴	90
1	Bộ trưởng	02
2	Thứ trưởng và Phó Thứ trưởng một số cơ quan thuộc Chính phủ (Học viện CTQG HCM, Bảo hiểm xã hội VN và Đài truyền hình VN)	15
3	Vụ trưởng thuộc Bộ	31
4	Tổng cục trưởng Tổng cục	0
5	Phó Tổng cục trưởng	04
6	Vụ trưởng thuộc Tổng cục	11
7	Cục trưởng thuộc Bộ	08
8	Vụ trưởng thuộc ngành	03
9	Cục trưởng thuộc Tổng cục	02
10	Trưởng ban của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội	16
11	Vụ trưởng của các Ban Đảng	09
12	Ủy viên Thường trực Hội đồng và Ủy ban của Quốc hội	06
II	Cấp tỉnh	381
1	Bí thư	03
2	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	01
3	Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân	23
4	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	03
5	Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân	12
6	Ủy viên Ban thường vụ tỉnh/thành ủy	65
7	Giám đốc Sở ngành, Tổng Biên tập báo, Giám đốc Đài phát thanh và truyền hình	117
8	Cấp trưởng Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội	105
9	Bí thư Đảng ủy khối, cấp trưởng các ban Đảng và hiệu trưởng các Trường Chính trị	24
10	Viện trưởng Viện Kiểm sát và Chánh án TAND	06
11	Ủy viên Thường trực và Trưởng các ban Hội đồng nhân dân	29

Năm 2013, có 15/30 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nữ cán bộ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chủ chốt, chiếm tỷ lệ 50%⁵ (tăng 1 Bộ

⁴ Không bao gồm các đồng chí giữ hàm vụ trưởng và trưởng các đơn vị sự nghiệp

⁵ Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Đài truyền hình Việt Nam là nữ.

so với năm 2012); có 24/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có nữ đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân đạt tỷ lệ 38%.

2. Mục tiêu “Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động”

- Chiến lược quy định hằng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).

Theo kết quả điều tra lao động việc làm tính đến hết Quý 3 năm 2013, lực lượng lao động cả nước là 53,8 triệu người, trong đó lao động nữ chiếm 48,5%. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nam là 82,5% so với nữ là 73,5%.

Số lao động được tạo việc làm năm 2013 là 1,543 triệu người, trong đó 48% là nữ giới (xấp xỉ 740 nghìn người). Như vậy, chỉ tiêu này đạt kế hoạch Chiến lược đề ra.

Báo cáo thống kê của các Bộ, ngành, địa phương cũng cho thấy, tỷ lệ lao động được tạo việc làm mới cơ bản đạt chỉ tiêu Chiến lược đề ra. Một số Bộ, ngành chỉ ra rằng tỷ lệ lao động nữ được tuyển dụng mới có xu hướng cao hơn nam giới. Tiêu biểu như Bộ Tư pháp tỷ lệ tuyển dụng công chức nữ trong những năm gần đây luôn đạt trên 80%.

Các hoạt động thông tin thị trường lao động được đa dạng hóa với nhiều hình thức phong phú tạo cơ hội tiếp cận thông tin thị trường lao động đầy đủ hơn cho người lao động, người sử dụng lao động, cơ sở đào tạo...; hoạt động giao dịch việc làm diễn ra với tần suất thường xuyên hơn, quy mô mở rộng hơn, hiệu quả kết nối cung - cầu lao động cao hơn, đặc biệt là ở các tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm như: Đà Nẵng, Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Long An⁶... cùng với việc tổ chức sàn giao dịch việc làm tại Trung tâm, nhiều địa phương đã tổ chức các sàn giao dịch vệ tinh, lưu động và các ngày hội tư vấn, giới thiệu việc làm. Trong quá trình thông tin về thị trường lao động đã có những hình thức phù hợp với lao động nữ, bảo đảm lao động nữ được tiếp cận thông tin một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất như mô hình Ngày hội việc làm giành cho phụ nữ (ở Thái Bình), mô hình xe buýt lưu động tư vấn việc làm (tại Cần Thơ)...

Nhằm đẩy mạnh giải quyết việc làm cho lao động nói chung, lao động nữ nói riêng, Chính phủ tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015, chủ động lồng ghép giới trong thực hiện Chương trình, nhất là thông qua dự án vay vốn giải quyết việc làm.

Dự án vay vốn giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đóng vai trò hỗ trợ đắc lực và tự tạo việc làm cho người lao động nói chung, phụ nữ nói

⁶ Trong năm tổ chức trên 800 phiên giao dịch việc làm ở 44 tỉnh, thành phố

riêng, góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân và toàn xã hội về việc làm. Trên cơ sở bổ sung nguồn ngân sách Nhà nước từ Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, đến nay Quỹ quốc gia về việc làm đã tích lũy được trên 4.294 tỷ đồng và được phân bổ cho 63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội như: Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Người mù, Hội Cựu chiến binh, ... Bên cạnh việc ưu tiên cho các dự án vay vốn giải quyết việc làm cho nhiều lao động nữ, Quỹ quốc gia về việc làm còn dành riêng một kênh quản lý nguồn vốn khác cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam để giải quyết việc làm cho các hội viên với tổng nguồn Quỹ là 56 tỷ đồng. Năm 2013 đã tạo việc làm cho hơn 3.000 lao động nữ. Nhiều mô hình nhằm tạo việc làm, nâng cao tay nghề cho chị em phụ nữ được triển khai như: mô hình câu lạc bộ chị em phụ nữ, mô hình tổ chức vay vốn, mô hình chị em yêu khoa học, mô hình phụ nữ liên kết với doanh nghiệp, miễn giảm học phí cho học sinh nữ con hộ nghèo,... Ngoài ra, các nguồn vốn vay phân bổ theo kênh địa phương và các tổ chức, hội đoàn thể khác cũng giải quyết việc làm lớn cho chị em phụ nữ (số phụ nữ được vay vốn hàng năm chiếm khoảng 50% tổng số người được vay vốn từ nguồn quỹ này).

- Chiến lược quy định tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015.

Theo báo cáo của 21 tỉnh, thành phố thống kê được số liệu về tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp thì có 15 địa phương đạt tỷ lệ này ở mức 20% trở lên, trong đó có 10 địa phương có tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt từ 25% đến trên 30% như: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Định, Cao Bằng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Kon Tum, Sóc Trăng, Thừa Thiên Huế, Tiền Giang.

- Chiến lược quy định tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 25% vào năm 2015.

Trong năm 2013, tuyển mới dạy nghề đạt trên 1.732 nghìn người trong đó nữ chiếm 42%, đạt 91,15% kế hoạch (tăng 14% so với thực hiện năm 2012), trong đó: trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề trên 216 nghìn người, đạt 86,4% kế hoạch năm (tăng 13,6% so với thực hiện năm 2012); sơ cấp nghề, dạy nghề thường xuyên dưới 03 tháng là 1.516 nghìn người, bằng 101% kế hoạch (tăng 18,4% so với thực hiện năm 2012), trong đó dạy nghề cho khoảng 450 nghìn lao động nông thôn (tăng 10,2% so với thực hiện năm 2012). Việc dạy nghề tiếp tục chú trọng và có những hình thức triển khai phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là với cơ cấu giới bảo đảm việc học nghề có hiệu quả và khả thi.

Mạng lưới cơ sở dạy nghề tiếp tục được đầu tư phát triển theo hướng xã hội hóa, tính đến nay cả nước có 1.339 cơ sở dạy nghề. Đến nay có khoảng 40% số Trung tâm dạy nghề cấp huyện đã được đầu tư tương đối đồng bộ, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề.

Tuy nhiên theo số liệu của Tổng cục thống kê, tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt ở mức 11,8 (tăng 1,2% so với mức 10,2% vào năm 2012). Chỉ tiêu này chỉ đạt bằng gần một nửa so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Chiến lược quy định tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 80% vào năm 2015.

Chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo được Đảng và nhà nước đặc biệt quan tâm. Trong đó, đối với những hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ cũng được triển khai nhiều chính sách thiết thực qua nhiều kênh (từ Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các chương trình vay vốn do nước ngoài tài trợ, quỹ giúp phụ nữ nghèo xóa đói giảm nghèo do ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí,...). Báo cáo của các địa phương cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn liên tục tăng lên qua các năm. Nhiều địa phương đạt tỷ lệ từ 80% trở lên số hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ đủ điều kiện và có nhu cầu được vay vốn.

Để thực hiện tốt công tác cho vay tín dụng các địa phương đã duy trì các hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án, các chính sách về giảm nghèo, tạo việc làm gắn với yếu tố giới, kịp thời đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn, hạn chế nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Căn cứ tình hình thực tế có thể xác định đến nay số hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ có nhu cầu và đủ điều kiện đã được vay vốn từ Chương trình xóa đói giảm nghèo và các nguồn vốn khác đạt 100%.

Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, trong hệ thống các Ngân hàng đã thực hiện tốt công tác cho vay tín dụng hộ nghèo bao gồm cho vay các hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ. Ngân hàng chính sách xã hội đã thực hiện ủy thác từng phần cho 04 tổ chức chính trị xã hội cho vay vốn theo chương trình giảm nghèo với lãi suất ưu tiên đến các hộ nghèo và đối tượng chính sách xã hội, gồm Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Người mù, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Ngoài nguồn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội, các hộ nghèo còn được vay vốn từ các nguồn vay khác (như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ hỗ trợ việc làm, các ngân hàng khác, các tổ chức tín dụng, các tổ chức chính trị xã hội,...). Trong đó, đáng kể nhất là hoạt động hỗ trợ phụ nữ xóa đói giảm nghèo của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam. Vì thế có thể đánh giá 100% phụ nữ là chủ hộ nghèo đã được vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Mặt khác, việc Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1489/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015, trong đó xác định phụ nữ là đối tượng ưu tiên của

Chương trình, đã tạo cơ sở quan trọng giúp phụ nữ nghèo có cơ hội tiếp cận tín dụng ngày càng tốt hơn.

3. Mục tiêu “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo”.

- Chiến lược quy định tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 90% vào năm 2015.

Trong thời gian qua, với sự nỗ lực của ngành giáo dục và sự vào cuộc của các cấp, các ngành, công tác xóa mù chữ đã đạt được những kết quả nhất định. Năm 2013, tỷ lệ biết chữ của phụ nữ ở cả khu vực nông thôn và thành thị trong độ tuổi từ 15 đến 40 đã tăng nhẹ so với năm trước (ở nông thôn: 94,8% năm 2013 so với 94,6 năm 2012; ở thành thị: 98,7% năm 2013 so với 98,6% ở thành thị), trong khi tỷ lệ này ở nam giới ổn định ở mức 96,4% ở khu vực nông thôn và 98,6% ở khu vực thành thị.

Bên cạnh đó, số liệu báo cáo thống kê của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tính đến ngày 10 tháng 10 năm 2013) cho thấy, số phụ nữ được xóa mù chữ ở độ tuổi 15 - 25 là 44.833 người, trong đó 29.676 phụ nữ là người dân tộc thiểu số; độ tuổi từ 26 - 35 là 97.257 người, trong đó 51.027 phụ nữ là người dân tộc thiểu số; độ tuổi từ 36 - 40 là 464.700 trong đó 174.220 người là dân tộc thiểu số.

Đặc biệt, việc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xóa mù chữ (tại Quyết định số 692/2013/QĐ-TTg ngày 4 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ) với quan điểm chỉ đạo là: Mở rộng độ tuổi xóa mù chữ. Chú trọng xóa mù chữ cho các đối tượng là phụ nữ, trẻ em gái, sẽ tạo cơ sở pháp lý quan trọng nhằm thu hẹp dần khoảng cách giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đề án đề ra phương hướng đến năm 2015: xóa mù chữ cho 250.000 người dân tộc thiểu số độ tuổi 15 - 60, nâng tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ ở độ tuổi này đạt 86%; xóa mù chữ cho 150.000 người dân tộc thiểu số trong độ tuổi 15 - 35, nâng tỉ lệ người dân tộc thiểu số ở độ tuổi này biết chữ đạt 88%. Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020, với mục tiêu là tạo mọi cơ hội và điều kiện thuận lợi để mọi người, ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học tập thường xuyên, học tập suốt đời ở mọi nơi, mọi lúc phù hợp với nhu cầu, điều kiện và hoàn cảnh của mỗi cá nhân. Bên cạnh những mục tiêu cụ thể về tỷ lệ người biết chữ nói chung, Đề án còn nhấn mạnh ưu tiên xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em gái, người dân tộc thiểu số ở các vùng khó khăn, từng bước thu hẹp khoảng cách tỷ lệ biết chữ giữa nam và nữ. Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng kế hoạch để triển khai các Đề án này.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam chỉ đạo các cấp Hội đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho

phụ nữ và trẻ em gái về sự cần thiết phải biết chữ; đề xuất với các cơ quan chức năng xây dựng chính sách hỗ trợ phụ nữ, trẻ em gái học xóa mù chữ, tạo cơ hội, điều kiện cho phụ nữ, trẻ em gái sau khi học chữ được học nghề, làm nghề để củng cố kết quả biết chữ, hạn chế tình trạng tái mù chữ và góp phần ổn định cuộc sống gia đình.

- Chiến lược quy định tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 40% vào năm 2015; tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 20% vào năm 2015.

Với sự phát triển chung về kinh tế - xã hội của đất nước, sự thay đổi nhận thức về quan điểm bình đẳng giới, trong những năm qua, số cán bộ nữ được đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ ngày càng nhiều, trình độ năng lực được nâng lên rõ rệt, từng bước đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công tác trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều địa phương đã hỗ trợ kinh phí cho cán bộ nữ đi đào tạo, bồi dưỡng với mức cao hơn so với nam giới. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2011 - 2012, trong số 2.687 giáo sư, phó giáo sư, có 448 nữ (chiếm 16,8%), trong số 9.126 tiến sỹ có 2.285 nữ (chiếm 25%), trong số 36.347 thạc sỹ có 17.122 nữ (chiếm 47,1%). Năm 2013 có 3 nữ trên tổng số 57 Giáo sư (chiếm 5,26%) và 116 nữ trong tổng số 514 Phó Giáo sư (chiếm 22,57%) được phong. Như vậy, các kết quả này đều đạt cao hơn so với chỉ tiêu của Chiến lược đề ra.

Đối với lĩnh vực khoa học công nghệ, tỷ lệ phụ nữ tham gia vào hoạt động khoa học công nghệ tăng lên so với những năm trước, song so với nam giới vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp. Một số ngành, lĩnh vực khoa học ít thấy sự xuất hiện bóng dáng của các nhà khoa học nữ như ngành cơ khí, địa chất, khảo cổ, ... Lực lượng cán bộ khoa học nữ có trình độ cao luôn là thế mạnh của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Theo đó, tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam có: 92/182 Phó giáo sư (chiếm 15,9%), 180/673 tiến sỹ (chiếm 26,7%), 285/683 thạc sỹ (chiếm 41,7%); tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam có: 23/116 Phó giáo sư, tiến sỹ (chiếm 19,8%), 88/194 tiến sỹ (chiếm 45,4%), 392/557 thạc sỹ (chiếm 70,4%).

4. Mục tiêu "Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe"

- Chiến lược đề ra chỉ tiêu phân đầu đến năm 2015, không chế tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái.

Bộ Y tế đã phối hợp với các Bộ liên quan (như Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) tập trung triển khai nhiều biện pháp như: đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, chú trọng truyền thông trực tiếp để xóa bỏ tư tưởng trọng nam khinh nữ; đồng thời kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm hạn chế việc lựa chọn giới tính thai nhi. Bộ Y tế cũng chú trọng công tác giảm tỷ số mất cân bằng giới

tính khi sinh tại 43 tỉnh, thành phố được xác định có tỷ số mất cân bằng giới tính khi sinh cao. Với những nỗ lực nêu trên của ngành Y tế, ước tính tỷ số giới tính khi sinh năm 2013 là 112,6 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái, tăng 0,3% so với năm 2012 là 112,3 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái và gần tiệm cận với con số đề ra vào năm 2015 là 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái.

- Chiến lược đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2015: giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 58,3/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2015.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, số tử vong mẹ do tai biến sản khoa trong 9 tháng đầu năm 2013 được ghi nhận là 103 ca, giảm so với cùng kỳ năm 2012. Năm 2012, theo ước tính tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản là 64/100.000 trẻ đẻ sống. Một số địa phương báo cáo tỷ lệ tử vong bà mẹ năm 2013 còn cao như: Cao Bằng (119/100.000 trẻ đẻ sống), Hà Nam (75/100.000 trẻ đẻ sống),... Về cơ bản chỉ tiêu này vẫn đang trong lộ trình để đạt được mục tiêu đề ra vào năm 2015.

- Chiến lược đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2015: tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 40% vào năm 2015.

Công tác phòng lây truyền mẹ con (PLTMC) hiện đang được triển khai trên địa bàn toàn quốc với những định hướng mới đối với các can thiệp về PLTMC như: 1) Tư vấn xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai (PNMT) sớm; 2) Thuốc ARV cho PLTMC sớm từ tuần thai thứ 14 (thay cho từ tuần thai thứ 28 trước đây). Hiện nay, toàn quốc có 226 điểm cung cấp dịch vụ dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, trong đó có 02 điểm tuyến Trung ương, 92 điểm tuyến tỉnh, còn lại là tuyến huyện 132 huyện chiếm khoảng 25% số huyện trong toàn quốc. Dịch vụ chủ yếu tập trung tại tuyến tỉnh, thành phố và tại các tỉnh, thành phố có dự án tài trợ, đây là thách thức lớn đến tính bền vững của chương trình. Kết quả hoạt động tính đến hết Quý III/2013, đã có 1.048.534 phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV với 794.681 trường hợp được xét nghiệm HIV; có 1.093 phụ nữ mang thai nhiễm HIV đã sinh con được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, trong số người nhiễm HIV được phát hiện báo cáo trong năm 2013 cho thấy: số người lây truyền qua đường tình dục chiếm tỷ lệ cao nhất là 45%, tiếp đến số người nhiễm HIV lây truyền qua đường máu chiếm 42,4% giảm khoảng 0,3% so với cùng kỳ năm 2012. Tỷ lệ người nhiễm HIV lây truyền từ mẹ sang con chiếm 2,5% (giảm 0,1% so với năm 2012) và có 10,1% tỷ lệ người nhiễm HIV không rõ đường lây truyền.

- Chiến lược đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2015: giảm tỷ lệ phá thai xuống 27/100 trẻ đẻ sống vào năm 2015.

Theo báo cáo 9 tháng đầu năm 2013, toàn quốc có 236.225 trường hợp phá thai trên tổng số 1.225.560 trẻ đẻ sống (so với cùng kỳ năm 2012 là

250.560 trường hợp phá thai trên 1.325.980 trẻ đẻ sống). Tỷ số phá thai so với số đẻ chung của toàn quốc ước tính của năm 2013 là 0,19 (tương đương năm 2012 và giảm mạnh so với năm 2005 là 0,37). Số phá thai ở các vùng đều giảm, trừ vùng Tây Nguyên tăng nhẹ. Việc tỷ số phá thai được báo cáo giảm là do tiếp cận và chất lượng của công tác KHHGD được cải thiện. Tuy nhiên không loại trừ khả năng số ca phá thai không thống kê được ở khu vực tư nhân tăng lên.

5. Mục tiêu “Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin”

- Chiến lược quy định đến năm 2015 giảm 60% sản phẩm văn hoá, thông tin mang định kiến giới; tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới; có 90% đài phát thanh và đài truyền hình ở trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

- Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tích cực tổ chức các lớp tập huấn về kiến thức giới cho đội ngũ phóng viên báo chí. Tại các cuộc họp giao ban báo chí thường kỳ hàng tuần, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo các cơ quan báo chí đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới; chỉ đạo cơ quan báo chí tuyên truyền có hình thức, nội dung tuyên truyền phù hợp góp phần tác động điều chỉnh hành vi xã hội đối với vấn đề bình đẳng giới. Trong khuôn khổ Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã hỗ trợ 03 Báo và Tạp chí xây dựng chuyên mục, chuyên đề, phóng sự về bình đẳng giới. Thông qua các hoạt động này, các sản phẩm văn hoá, thông tin về bình đẳng giới đã tăng lên và giảm dần các sản phẩm truyền thông mang định kiến giới.

- Hầu hết các địa phương đều có nội dung tuyên truyền về bình đẳng giới trên kênh phát sóng của mình. Theo báo cáo thống kê chưa đầy đủ của các tỉnh, thành phố, hiện có 42 địa phương đã xây dựng và duy trì được chuyên trang, chuyên mục riêng về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ. Đặc biệt, theo báo cáo của Thành phố Hồ Chí Minh, trong tổng số 40 cơ quan báo chí trên địa bàn thành phố, hầu hết đều đã có chuyên trang, chuyên mục về phụ nữ và bình đẳng giới; Đài truyền hình thành phố đã có 10 chương trình chuyên đề phụ nữ; Đài tiếng nói nhân dân thành phố đã thực hiện 22 chuyên đề; các báo đã có trên 500 tin, bài viết về những tấm gương vượt khó, những người phụ nữ thành đạt trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

6. Mục tiêu “Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới”

- Chiến lược đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2015: 40% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình; có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân

bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

Bạo lực trên cơ sở giới mà chủ yếu là bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và ngoài cộng đồng vẫn đang là vấn đề nóng cần quan tâm giải quyết ở cấp độ quốc gia.

Về bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình: Việc đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về Luật phòng, chống bạo lực gia đình và Luật Bình đẳng giới đã góp phần giảm thiểu số vụ việc bạo lực đối với phụ nữ phát sinh mới. Theo số liệu tổng hợp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hiện nay, trên toàn quốc có 14.350 vụ bạo lực gia đình, trong đó, số vụ có nạn nhân là phụ nữ chiếm 11.526 vụ. Tổng số nạn nhân bạo lực gia đình đến cơ sở khám, chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân của bạo lực gia đình, địa chỉ tin cậy ở cộng đồng là 13.712 nạn nhân. Số người gây bạo lực gia đình được tư vấn là 14.560 người, đạt tỷ lệ 50%. Hiện nay, đã có 9.762 cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình đã được thành lập và đi vào hoạt động.

Về mua bán phụ nữ và trẻ em: Theo số liệu tổng hợp của Bộ Công an, năm 2013, tình hình tội phạm mua bán người diễn biến phức tạp, tăng 4% về số vụ và 11% về số nạn nhân (phát hiện 507 vụ/697 đối tượng/982 nạn nhân). Trong năm 2013, đã giải cứu, tiếp nhận 871 nạn nhân. Trên 50% số nạn nhân bị mua bán, sau khi tiếp nhận được hỗ trợ các dịch vụ liên quan như: trợ cấp khó khăn, học nghề, tạo việc làm, khám chữa bệnh và trợ giúp pháp lý, tạo điều kiện cho nạn nhân vay vốn với lãi suất thấp để ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng.

Theo báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương, giai đoạn 2011 - 2013, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội các địa phương đã tổ chức tiếp nhận và hỗ trợ trên 1.200 nạn nhân bị mua bán trở về hòa nhập cộng đồng (trong đó số nạn nhân tự trở về chiếm trên 65%; số nạn nhân được giải cứu chiếm 25% và còn lại là số nạn nhân được trao trả qua kênh ngoại giao). Căn cứ theo nhu cầu và nguyện vọng của nạn nhân, trên 50% số nạn nhân bị mua bán, sau khi tiếp nhận được các dịch vụ hỗ trợ liên quan như: khám chữa bệnh và trợ giúp pháp lý,... Các địa phương đã lập hồ sơ, tiến hành các thủ tục hỗ trợ cho nạn nhân bị mua bán trở về theo quy định, tập trung vào hỗ trợ học nghề và trợ cấp khó khăn ban đầu.

Một số hình thức hỗ trợ nạn nhân được thực hiện tại địa phương:

- Hỗ trợ nạn nhân gắn với công tác tiếp nhận: Hầu hết các trường hợp nạn nhân trở về chính thức, tự trở về hoặc được giải cứu đều nhận được sự hỗ trợ phù hợp. Dịch vụ hỗ trợ chủ yếu là cung cấp nơi ăn nghỉ tạm thời, tư vấn tâm lý xã hội, đối với trường hợp ốm đau, sức khỏe yếu được hỗ trợ chữa trị ban đầu, trợ cấp tiền tàu xe, tiền ăn;

- Hỗ trợ tại cộng đồng với các chế độ đồng bộ như hỗ trợ tâm lý xã hội, hỗ trợ pháp lý (làm thủ tục về hộ khẩu, cấp chứng minh thư nhân dân, giấy khai sinh), y tế, học nghề, hỗ trợ việc làm, học văn hóa và bảo vệ nạn nhân tố giác tội phạm;

- Hỗ trợ tại Trung tâm, nhà tạm lánh dành cho nạn nhân: hình thức này được thực hiện thông qua dự án tại Lào Cai, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, An Giang;

- Hỗ trợ thông qua các hoạt động lồng ghép, phòng ngừa và tái hòa nhập cộng đồng tại xã phường: tổ chức được các lớp dạy nghề cho phụ nữ, trẻ em thuộc diện hộ nghèo, hỗ trợ tạo việc làm để có mức thu nhập ổn định; hỗ trợ vay tín dụng, cấp phát học phí, học bổng, gắn với các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về phòng chống mua bán người;

- Hỗ trợ nạn nhân thông qua các mô hình: Một số địa phương đã tranh thủ sự giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật của các Tổ chức quốc tế xây dựng mô hình “Nhóm tự lực hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân”, mô hình “Phòng ngừa phụ nữ có nguy cơ dẫn đến các hoạt động mại dâm và dự phòng lây nhiễm HIV”. Các mô hình này tập trung tại các địa bàn có nhiều nạn nhân bị mua bán trở về như: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Bắc Giang, Hải Phòng. Các mô hình này đã được đánh giá cao về tính hiệu quả và thực tiễn. Sự thành công của các mô hình bước đầu đã giúp đỡ được những nạn nhân có hoàn cảnh khó khăn, thông qua việc sử dụng đồng vốn sinh kế hiệu quả đem lại thu nhập ổn định cuộc sống, được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng bền vững.

Bên cạnh đó, trong khuôn khổ Chương trình quốc gia về bình đẳng giới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tích cực hỗ trợ nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới thông qua việc triển khai thí điểm Mô hình ngăn ngừa, giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới tại các tỉnh, thành phố trên cả nước và hỗ trợ 3 Trung tâm công tác xã hội thuộc 3 tỉnh đại diện các vùng miền trên toàn quốc thực hiện thí điểm cung cấp dịch vụ hỗ trợ bình đẳng giới mà trọng tâm là hỗ trợ ngăn ngừa giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới.

7. Mục tiêu “Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới”

- Chiến lược đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2015: có 80% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới

Về cơ bản các văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới đã được quan tâm nghiên cứu đề lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

tuy nhiên vẫn còn ở mức độ. Việc tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới cho các thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới còn được quan tâm, nhưng ở mức độ hạn chế, chủ yếu sử dụng hình thức mời chuyên gia giới để tham vấn về vấn đề lồng ghép giới trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thông qua các Hội thảo của cơ quan soạn thảo hoặc các tổ chức xã hội quan tâm đến lĩnh vực này. Theo thống kê năm 2013, có hơn 40 văn bản quy phạm pháp luật được các cơ quan chức năng ban hành trong năm đã thể hiện được nguyên tắc bình đẳng giới và quan tâm giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới trong phạm vi ngành, lĩnh vực và quốc gia.

- Chiến lược đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2015: các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.

Theo báo cáo của các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố, hiện nay đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới còn có sự khác nhau ở các đơn vị, địa phương.

- Đối với công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới, ở Trung ương: Ủy ban Dân tộc chính thức giao trách nhiệm tham mưu nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới cho Vụ Dân tộc thiểu số thực hiện; Bộ Công an giao cho Cục công tác đảng và công tác quần chúng. Ở các Bộ, ngành khác, hầu hết các Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ thường phải đảm nhiệm luôn nhiệm vụ này, hoặc phân công nhiệm vụ cho các đơn vị chuyên môn khi có vụ việc cụ thể cần xử lý. Ở địa phương, đối với cấp tỉnh, cơ bản đã ổn định đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Hiện cả nước có 13 địa phương thành lập được Phòng Bình đẳng giới hoặc bổ nhiệm được trưởng Phòng Bình đẳng giới, các tỉnh còn lại đều bố trí cán bộ tại Văn phòng Sở hoặc một phòng chuyên môn khác. Đối với cấp huyện và cấp xã, hầu hết cán bộ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và cán bộ văn hóa xã hội được phân công làm kiêm nhiệm công tác này. Về đội ngũ cán bộ làm công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ chủ yếu là kiêm nhiệm ở hầu hết các Bộ, ngành, địa phương. Một số địa phương có cơ chế chuyên trách cho công tác này như: Long An (Phó ban thường trực chuyên trách), Nghệ An (thư ký Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ); Quảng Nam (có 03 thư ký giúp việc cho Ban và có trụ sở riêng đặt tại Ủy ban nhân dân tỉnh)...

Đã hình thành và duy trì được đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, đặc biệt là các nơi được lựa chọn để thực hiện mô hình thí điểm về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong khuôn khổ hoạt động của Chương trình quốc gia về bình

đẳng giới và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ. Theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, về cơ bản 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về kết quả đạt được

Kết quả thực hiện bình đẳng giới năm 2013 nêu trên cho thấy, hệ thống chính sách, pháp luật về bình đẳng giới ngày càng hoàn thiện. Trong năm 2013, Hiến pháp và nhiều đạo luật được ban hành đã lồng ghép tốt vấn đề bình đẳng giới. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã có sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động về thực hiện bình đẳng giới. Kết quả tổng hợp từ các báo cáo cho thấy, việc thực hiện hoạt động bình đẳng giới nói chung và vì sự tiến bộ phụ nữ nói riêng đã có những tiến bộ nhất định, nhiều chỉ tiêu thuộc các mục tiêu 2, 3, 4, 5, 6 và 7 của Chiến lược có thể đạt kế hoạch đề ra đến năm 2015, đặc biệt là trong lĩnh vực lao động, giáo dục và y tế. Mục tiêu về giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị có sự cải thiện nhẹ với sự gia tăng số lượng phụ nữ giữ các vị trí cấp cao song kết quả chưa đều, chưa ổn định.

Theo đánh giá của Liên hợp quốc tại Báo cáo phát triển con người năm 2013, chỉ số bất bình đẳng giới của Việt Nam đứng thứ 48/150 quốc gia được xếp hạng. Báo cáo nghiên cứu thường niên Khoảng cách giới toàn cầu (GGG) 2013 do Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) công bố cho thấy, vẫn chưa có một quốc gia nào đạt được bình đẳng giới. Việt Nam được xếp hạng thứ 73 trong tổng số các quốc gia được xếp hạng về thu hẹp khoảng cách giới, đứng sau một số quốc gia trong khu vực ASEAN là Phi-líp-pin (thứ 5), Xin-ga-po (thứ 58), Lào (thứ 60) và Thái Lan (thứ 65).

2. Về tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Định kiến giới vẫn còn tồn tại dai dẳng trong mỗi người dân, trong cộng đồng và xã hội sẽ tiếp tục là rào cản lớn cho việc thực hiện bình đẳng giới.

- Nhận thức của một bộ phận cấp ủy Đảng, chính quyền về hoạt động bình đẳng giới còn chưa đúng đắn dẫn tới chưa quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện hoặc chỉ đạo, triển khai mang tính hình thức. Luật đã quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới, tuy nhiên, trên thực tế, một số đơn vị, địa phương chưa quan tâm thúc đẩy công tác này, chưa thực sự gắn công tác bình đẳng giới với hoạt động quản lý của các cấp, ngành. Cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở các Bộ, ngành, địa phương (ở cấp huyện) chủ yếu làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, do vậy, công tác tham mưu và triển khai các hoạt động còn hạn chế. Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các Bộ, ngành, địa phương được quan tâm kiện toàn nhưng hiệu quả hoạt động của một số nơi còn ở mức độ hạn chế,

chưa phát huy được vai trò của tổ chức liên ngành, hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

- Một số văn bản hướng dẫn, thể chế hóa quy định của Luật liên quan đến bình đẳng giới còn chậm được ban hành như hướng dẫn thực hiện Khoản 3 Điều 187 Bộ luật Lao động năm 2012 do còn có nhiều ý kiến trái chiều và chưa nhận được sự đồng thuận cao cho phương án đề xuất. Một số biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới theo quy định của Luật Bình đẳng giới đã được nghiên cứu xây dựng song do liên quan tới nhiều ngành và phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của đất nước nên chưa được ban hành kịp thời.

- Việc triển khai quy định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa được quan tâm đúng mức và đạt kết quả chưa cao. Nguyên nhân cơ bản là do: hầu hết các cơ quan chủ trì soạn thảo chưa chủ động nghiên cứu thực hiện quy định này ngay từ giai đoạn đầu khi xây dựng chính sách; thiếu nguồn thông tin và cơ sở dữ liệu có tách biệt giới tính; đội ngũ cán bộ tham gia xây dựng và hoạch định chính sách hầu như chưa có hiểu biết đầy đủ về kiến thức giới.

- Công tác triển khai hướng dẫn xây dựng chế độ báo cáo và thu thập số liệu cho Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia còn chậm, nhiều chỉ tiêu khó có khả năng thu thập số liệu. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ làm công tác kế hoạch tại các Bộ, ngành, địa phương còn hạn chế kiến thức, kỹ năng về phân tích giới và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch của ngành, địa phương.

- Kinh phí cấp cho việc triển khai Chương trình quốc gia về bình đẳng giới còn hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu dẫn tới việc triển khai Chương trình gặp khó khăn (tổng mức kinh phí được cấp trong 03 năm là 100 tỷ, chỉ đạt gần 30% so với mức ngân sách Trung ương được phê duyệt tại Chương trình). Việc bố trí kinh phí cho hoạt động bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ ở một số Bộ, ngành, địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Các dự án ODA chuyên biệt về giới và bình đẳng giới không nhiều mà chủ yếu là dự án có thực hiện lồng ghép giới, do đó việc phân tách ngân sách dành riêng cho hoạt động về bình đẳng giới chưa được thực hiện.

- Công tác bình đẳng giới hiện nay đã được triển khai tới các cấp, các ngành và về tới cơ sở, tuy nhiên, kết quả thực hiện bình đẳng giới còn chưa đồng đều giữa các vùng miền, địa phương, lĩnh vực khác nhau. Theo báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Luật Bình đẳng giới cho thấy bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại trên các lĩnh vực và phần lớn thiệt thòi vẫn nghiêng về phía phụ nữ. Những vấn đề giới phức tạp/khó hoặc mới phát sinh cần thời gian nghiên cứu sâu như: tư tưởng trọng con trai hơn con gái dẫn tới nguy cơ mất cân bằng giới tính khi sinh và những hệ lụy về mặt xã hội có thể gia tăng tình trạng bất bình đẳng giới; các hình thức bạo lực trên cơ sở giới nhất là bạo lực đối với phụ nữ

và trẻ em gái; những tác động của biến đổi khí hậu đối với phụ nữ và nam giới; hôn nhân có yếu tố nước ngoài và dự báo về những vấn đề bất bình đẳng giới sẽ xảy ra trong bối cảnh Việt Nam là một nước thu nhập trung bình... Đặc biệt, mục tiêu 1 về giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị có nguy cơ không đạt kế hoạch Chiến lược đề ra do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân chưa giải quyết thấu đáo được vấn đề tuổi nghỉ hưu cho phụ nữ.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Quốc hội tăng cường hơn nữa công tác giám sát, kiến nghị các Bộ, ngành, địa phương trong thực hiện Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhất là công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có nhạy cảm giới và việc bố trí tăng nguồn lực thực hiện công tác bình đẳng giới nói chung và thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới nói riêng.

- Quốc hội xem xét tổ chức báo cáo ghép hai năm một lần đối với việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới ở cấp quốc gia.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2014

1. Tiếp tục nghiên cứu ban hành và triển khai thực hiện các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới theo quy định của Luật Bình đẳng giới

- Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ, ngành chức năng có liên quan xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định hỗ trợ nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Luật Bình đẳng giới và Điều 18 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.

- Bộ Y tế phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm y tế và các chính sách hỗ trợ khác liên quan đến chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Luật Bình đẳng giới và Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành chức năng có liên quan rà soát lại Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia để đánh giá tính khả thi trong triển khai thực hiện và đề xuất giải pháp khắc phục.

2. Tích cực triển khai thực hiện Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới

- Tiếp tục thúc đẩy lồng ghép các chỉ tiêu, nhiệm vụ về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các Bộ, ngành, địa phương. Cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu và gắn với nguồn lực nhằm bảo đảm thực hiện

thăng lợi các mục tiêu đến năm 2015 trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020.

- Các Bộ, ngành, địa phương rà soát các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015 đồng thời bám sát thực trạng công tác bình đẳng giới của đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí chi tiết các hoạt động gắn với từng dự án triển khai trong năm 2014. Trong đó, tập trung ưu tiên những hoạt động phù hợp nhiệm vụ và thế mạnh của đơn vị, đồng thời chú ý lồng ghép với các chương trình, dự án khác mà đơn vị đang quản lý hoặc đang thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kịp thời phân bổ phần kinh phí trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới cho các đơn vị chức năng của địa phương để thực hiện; bố trí đủ ngân sách địa phương theo Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và yêu cầu của Quyết định số 1241/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về bình đẳng giới năm 2011 - 2015, Thông tư liên tịch số 56/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 09 tháng 4 năm 2012 về việc quy định và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015.

3. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 57/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới nhằm tăng tỷ lệ phụ nữ tham gia quản lý, lãnh đạo

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đối với công tác phụ nữ, công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới. Tập trung lãnh đạo thực hiện tốt công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ nữ; chú trọng đến công tác phát triển đảng viên nữ trí thức, nữ công nhân lao động. Thực hiện luân chuyển cán bộ nữ theo quy hoạch, kết hợp luân chuyển để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý; nghiên cứu đặc điểm riêng của cán bộ nữ để thực hiện lãnh đạo tổ chức, nhân sự, giới thiệu luân chuyển, bố trí, sắp xếp cán bộ nữ trong từng lĩnh vực; chú trọng quan tâm đến bố trí cán bộ lãnh đạo nữ trong các ngành, lĩnh vực có nhiều lao động nữ.

- Nghiên cứu xây dựng kế hoạch bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương.

- Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể các cơ quan chủ quản trong công tác sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ nữ chủ chốt của

các cơ quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc chuẩn bị nhân sự cho việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 theo thẩm quyền được giao.

4. Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

- Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức và cán bộ, cộng tác viên làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp theo quy định hiện hành, phù hợp với thực tế của từng địa phương, đơn vị, bảo đảm bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở các cấp.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ từ trung ương đến địa phương, cơ sở.

- Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới cho cán bộ làm công tác xây dựng và hoạch định chính sách, cán bộ pháp chế, thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để từng bước có đủ kiến thức cần thiết xác định được những nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp tăng cường công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới theo thẩm quyền được giao, đặc biệt là các Bộ liên quan tới việc thực thi bình đẳng giới trong 8 lĩnh vực được quy định tại Luật Bình đẳng giới, gồm: chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế và gia đình.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành một cách thiết thực, phù hợp với từng ngành, từng địa phương, nhóm đối tượng, mở rộng tuyên truyền trực tiếp ở cơ sở. Tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các Bộ, ngành và địa phương trong việc nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, quán triệt sâu sắc hơn nữa những quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Đổi mới phương thức tuyên truyền trong đó hướng tới nhóm đối tượng nam giới và đội ngũ cán bộ quản lý các cấp để góp phần thay đổi định kiến giới một cách căn bản và bền vững.

- Duy trì, phát triển đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, đặc biệt là ở cơ sở nhằm đẩy mạnh hiệu quả công tác truyền thông về bình đẳng giới.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, Mặt trận tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bình đẳng giới. Nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức phi chính phủ trong việc tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới.

6. Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới

- Duy trì và phát triển các hệ thống dịch vụ nhằm hỗ trợ phụ nữ và nam giới bình đẳng về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Tiếp tục thí điểm xây dựng các mô hình dịch vụ nhằm hỗ trợ phụ nữ và nam giới phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, hỗ trợ nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới ở gia đình và cộng đồng.

- Tăng cường xã hội hoá và công tác phối hợp liên ngành trong việc tổ chức các hoạt động về bình đẳng giới.

7. Tăng cường tham mưu thực hiện quy định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

- Bộ Tư pháp sớm ban hành Thông tư hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Thúc đẩy thực hiện nghiêm quy định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chương trình công tác của Bộ, ngành, địa phương, đơn vị.

- Tăng cường nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công tác hoạch định và thực thi chính sách ở các Bộ, ngành, địa phương.

- Các Bộ, cơ quan, địa phương chỉ đạo, đôn đốc, tạo điều kiện và kiểm tra các Ban soạn thảo, Tổ biên tập, cán bộ chức năng liên quan trong việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, kế hoạch, dự án...

8. Công tác thanh tra, kiểm tra về bình đẳng giới

- Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thanh tra về bình đẳng giới nhằm kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới; đồng thời có kế hoạch thanh tra chuyên đề về thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong tất cả các lĩnh vực theo quy định của Luật Bình đẳng giới.

9. **Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ**

- Đẩy mạnh các nghiên cứu sâu, khảo sát điều tra quy mô rộng về bình đẳng giới phục vụ công tác xây dựng, ban hành các chính sách liên quan đến bình đẳng giới một cách thực chất và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước.

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm học tập, chia sẻ kinh nghiệm về thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và vận động nguồn lực hỗ trợ thực hiện các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- TW Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TKBT, TH, V.III, TCCV, KTTH;
- Lưu: VT, KGVX (3b). *210*

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**



Phạm Thị Hải Chuyên

Phụ lục I

DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BAN HÀNH NĂM 2013 CÓ LÒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 106/BC-CP ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ
về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2013)

1. Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Theo đó, Hiến pháp gồm có 11 Chương với 120 điều, trong đó dành riêng Chương II quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 đã kế thừa và phát triển những quy định tiên bộ trong các bản Hiến pháp trước đó, đã có 04 điều quy định trực tiếp về bình đẳng giới, tiến bộ của phụ nữ, cụ thể: Điều 16 quy định mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Điều 26 quy định công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới. Điều 36 quy định nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn; hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau; Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. Điều 58 quy định Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em, thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

2. Luật Việc làm được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Theo đó, một trong các nguyên tắc về việc làm là bình đẳng về cơ hội việc làm và thu nhập (K2 Đ4) Luật cũng quy định 06 chính sách của Nhà nước về việc làm, trong đó có nội dung: Có chính sách phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo việc làm cho người lao động; có chính sách hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động và bảo hiểm thất nghiệp; Hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số (Điều 5). Đặc biệt Luật cũng đã quy định những hành vi bị nghiêm cấm, trong đó có hành vi phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp (Điều 9).

3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2014. Luật đã quy định bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng (Điều 1).

4. Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2014. Luật đã quy định nguyên tắc: Phòng, chống thiên tai phải bảo đảm tính nhân đạo, công bằng, minh bạch và bình đẳng giới (Điều 4). Một trong các chính sách của Nhà nước trong phòng, chống thiên tai là hỗ trợ về đời sống và sản xuất đối với đối tượng bị thiệt hại do thiên tai gây ra, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương (bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng

tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo) (K3 Đ5). Luật cũng quy định khi xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã cần xác định nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai phù hợp và chú ý tới đối tượng dễ bị tổn thương (Điều 15).

5. Luật Hòa giải cơ sở được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Luật đã quy định: Một trong các nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở là quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật, người cao tuổi (K2 Đ4); bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở (K5 Đ4). Mỗi tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên, trong đó có hòa giải viên nữ (K1 Đ12). Một trong những trách nhiệm của tổ hòa giải là phối hợp với Chi hội phụ nữ trong hoạt động hòa giải ở cơ sở (K3 Đ13).

6. Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Khoản 4 Điều 98 (nguyên tắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) tiếp tục quy định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phải ghi tên của cả vợ và chồng nếu đó là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận ghi tên một người. Trường hợp giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi tên một người thì được cấp giấy chứng nhận khác ghi đủ tên vợ và chồng nếu có yêu cầu. Cụ thể: Thừa đất có nhiều người chung quyền sử dụng đất, nhiều người sở hữu chung nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phải ghi đầy đủ tên của những người có chung quyền sử dụng đất, người sở hữu chung nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất và cấp cho mỗi người 01 Giấy chứng nhận; trường hợp các chủ sử dụng, chủ sở hữu có yêu cầu thì cấp chung 01 Giấy chứng nhận và trao cho người đại diện (K2). Trường hợp quyền sử dụng đất hoặc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng thì phải ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trừ trường hợp vợ và chồng có thỏa thuận ghi tên một người (K4). Trường hợp quyền sử dụng đất hoặc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tài sản chung của vợ và chồng mà Giấy chứng nhận đã cấp chỉ ghi họ, tên của vợ hoặc chồng thì được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để ghi cả họ, tên vợ và họ, tên chồng nếu có yêu cầu (K4). Quy định này đã bảo vệ quyền của những người yếu thế, trong đó có phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi.

7. Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 quy định về công tác gia đình. Theo Nghị định, hoạt động hỗ trợ xây dựng gia đình gồm: tư vấn, giáo dục trước hôn nhân; cung cấp kiến thức, kỹ năng xây dựng và tổ chức cuộc sống gia đình; lồng ghép phù hợp nội dung giáo dục đời sống gia đình vào chương trình các cấp học; hỗ trợ việc duy trì, bảo tồn các giá trị truyền thống

tốt đẹp của gia đình; hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình; xây dựng và hướng dẫn nhân rộng các mô hình gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững.

8. Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người. Theo Nghị định, Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân, đồng thời hỗ trợ nguồn lực cho cơ sở bảo trợ xã hội công lập thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân; tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao môi trường.

9. Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 21/01/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý.

10. Nghị định số 18/2013/NĐ-CP ngày 21/02/2013 quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đang phụ vụ trong lực lượng công an nhân dân.

11. Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo Nghị định, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài việc được hưởng các chính sách quy định tại Nghị định 61/2006/NĐ-CP và quy định tại Nghị định này còn được hưởng chính sách trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu và được thanh toán tiền tàu, xe trong thời gian làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn khi đi và về thăm gia đình.

12. Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Theo Nghị định, Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài là đơn vị sự nghiệp thuộc Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Hội Liên hiệp phụ nữ quyết định thành lập.

13. Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16/4/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu.

14. Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động. Theo Nghị định, thời giờ được tính vào thời giờ làm việc được hưởng lương gồm có nghỉ 60 phút mỗi ngày đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi (K4 Đ3); nghỉ mỗi ngày 30 phút đối với lao động nữ trong thời gian hành kinh (K5 Đ3). Theo Nghị định, thời gian được coi là thời gian làm việc của người lao động để tính số ngày nghỉ hằng năm gồm có

thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (K7 Đ6).

15. Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương quy định: Khi xây dựng và áp dụng thang lương, bảng lương phải bảo đảm bình đẳng, không phân biệt đối xử về giới tính (Đ7).

16. Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

17. Nghị định số 95/2013/NĐ-CP ngày 22/8/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng Nghị định quy định một điều (Điều 18) về vi phạm quy định về lao động nữ và một điều (Điều 20) về vi phạm quy định về lao động là người giúp việc gia đình: Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi như không tham khảo ý kiến của lao động nữ hoặc đại diện của họ khi quyết định đến vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích của lao động nữ; không cho lao động nữ nghỉ 30 phút mỗi ngày trong thời gian hành kinh (K1 Đ18). Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi như sử dụng lao động nữ làm thêm giờ, làm việc ban đêm và đi công tác xa thuộc một trong các trường hợp mang thai từ tháng thứ bảy hoặc từ tháng thứ sáu nếu làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi; không thực hiện việc chuyển công việc hoặc giảm giờ làm đối với lao động nữ mang thai từ tháng thứ bảy đang làm công việc nặng nhọc theo quy định của Bộ luật lao động; không cho lao động nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi nghỉ 60 phút mỗi ngày; không bảo đảm việc làm cũ sau khi lao động nữ trở lại làm việc sau khi hết thời gian nghỉ thai sản theo quy định của Bộ luật lao động; xử lý kỷ luật đối với lao động nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ hưởng chế độ khi sinh con theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, nuôi con dưới 12 tháng tuổi; sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ vì lý do kết hôn, có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi trừ trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân chết, bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết hoặc người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt hoạt động; sử dụng lao động nữ làm công việc không được sử dụng lao động nữ theo quy định của Bộ luật lao động (K2 Đ18). Phạt cảnh cáo đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi như không ký kết hợp đồng bằng văn bản với người giúp việc gia đình; không trả tiền tàu xe đi đường khi người giúp việc gia đình thôi việc về nơi cư trú, trừ trường hợp người giúp việc gia đình chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn (K1 Đ20). Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi giữ giấy tờ tùy thân của người giúp việc gia đình (K2 Đ20). Cũng tại Nghị định này, có quy định phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử về

giới tính (Đ25); phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng khi vi phạm với mỗi người lao động đối với người sử dụng lao động có một trong các hành vi như không trả chế độ thai sản, phục hồi sức khỏe sau thai sản trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ của người lao động (Đ28).

18. Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó có hướng dẫn chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ theo quy định của Luật Bình đẳng giới và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định các biện pháp về bình đẳng giới.

19. Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/ 9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư. Nghị định quy định về các hành vi vi phạm hành chính; hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm; thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: Bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

20. Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Theo Nghị định, đối với người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, chỉ quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn khi không đủ điều kiện áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình; việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình không được coi là đã bị xử lý vi phạm hành chính; khi quyết định thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, phải xem xét tình tiết giảm nhẹ đối với người vi phạm là phụ nữ mang thai, người nuôi con dưới 36 tháng tuổi (K1 Đ3), phải xem xét tình tiết tăng nặng với vi phạm đối với phụ nữ mang thai (K2 Đ3).

21. Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (thay thế Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, Điều 6 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi, Quyết định số 38/2004/QĐ-TTg ngày 17/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách trợ giúp kinh phí cho gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi và trẻ em bị bỏ rơi). Nghị định quy định về chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; trợ giúp xã hội đột xuất; hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng và chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội và nhà xã hội.

22. Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học. Theo Nghị định, giảng viên có chức danh phó giáo sư được hưởng thang, bậc lương tương ứng ngạch chuyên viên cao cấp và giảng viên có chức danh giáo sư được hưởng thang, bậc lương tương đương chuyên gia cao cấp (K2 Đ8);

giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có trình độ tiến sĩ đang công tác tại cơ sở giáo dục đại học được kéo dài thời gian làm việc (không quá 10 năm đối với giảng viên có chức danh giáo sư, không quá 7 năm đối với giảng viên có chức danh phó giáo sư, không quá 5 năm đối với giảng viên có trình độ tiến sĩ) kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học nếu có đủ sức khỏe, tự nguyện kéo dài thời gian làm việc, cơ sở giáo dục đại học có nhu cầu và chấp thuận (K1 và K2 Đ9).

23. Nghị định số 144/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Theo Nghị định, phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với các hành vi không ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh cho phụ nữ khuyết tật có thai theo quy định của pháp luật (K1 Đ10).

24. Nghị định số 158 /2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo quy định: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi quảng cáo có tính chất định kiến về giới (K2 Đ51); phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi quảng cáo thiếu tài liệu chống chỉ định hoặc khuyến cáo cho người có thai, người đang cho con bú (K3 Đ68).

25. Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Nghị định quy định mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình đối với cá nhân là 30.000.000 đồng, đối với tổ chức là 60.000.000 đồng; mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phòng, chống tệ nạn xã hội đối với cá nhân là 40.000.000 đồng, đối với tổ chức là 80.000.000 đồng; mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng; đối với cùng một hành vi vi phạm, mức phạt tiền đối với tổ chức gấp hai lần mức phạt tiền đối với cá nhân. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với các hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình (Đ53); cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng (Đ54); cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với các hành vi cưỡng ép kết hôn, ly hôn, tảo hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ (Đ55); phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với các hành vi bạo lực về kinh tế đối với thành viên gia đình (Đ56); cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với các hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ (Đ57); cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với các hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi bạo lực gia đình (Đ61).

26. Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế. Nghị định có quy định, phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không tư vấn

về phòng, chống HIV/AIDS trong quá trình chăm sóc, điều trị cho đối tượng là phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai, cho con bú (K1 Đ18); phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc theo dõi, điều trị đối với phụ nữ nhiễm HIV trong thời kỳ mang thai thuộc diện quản lý (K3 Đ19); phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định về tuyên truyền, phổ biến, tư vấn phương pháp để có được giới tính thai nhi theo ý muốn (Đ81); phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với các hành vi chẩn đoán, xác định giới tính thai nhi (Đ82); phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định về lựa chọn giới tính thai nhi (Đ83); phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi loại bỏ thai nhi vì lý do lựa chọn giới tính (Đ84); cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi có lời nói hoặc hành động xúc phạm danh dự, nhân phẩm người sinh toàn con trai hoặc toàn con gái (K1 Đ85); phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần để ép buộc người khác phải sinh thêm con khi họ đã sinh toàn con trai hoặc toàn con gái (K3 Đ85); phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi dùng vũ lực để ép buộc người khác phải mang thai, phải sinh thêm con khi họ đã sinh toàn con trai hoặc toàn con gái (K5 Đ85).

27. Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. Nghị định có quy định, quảng cáo thuốc phải có nội dung chống chỉ định hoặc các khuyến cáo cho đối tượng là người có thai, người đang cho con bú (K2 Đ3); các chỉ định không được đưa vào nội dung quảng cáo thuốc gồm các chỉ định mang kính kích dục (K5 Đ3).

28. Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động. Nghị định này thay thế Nghị định số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động. Nghị định quy định mức lương tối thiểu vùng áp dụng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động

29. Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Nghị định này đã quy định giảm thuế đối với doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bằng số chi thêm cho lao động nữ, gồm chi đào tạo nghề; chi phí tiền lương và phụ cấp (nếu có) cho cô giáo dạy ở nhà trẻ, mẫu giáo do doanh nghiệp tổ chức và quản

lý; chi khám sức khỏe thêm trong năm; chi bồi dưỡng cho lao động nữ sau khi sinh con; lương, phụ cấp trả cho thời gian lao động nữ được nghỉ sau khi sinh con, nghỉ cho con bú theo chế độ nhưng vẫn làm việc (K1 Đ17).

30. Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Theo Nghị định, người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện nhưng chưa bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là thuộc trường hợp buộc được miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt (K2 Đ18); học viên là phụ nữ đang mang thai trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại (K2 Đ19); học viên nữ được cấp 02 gói băng vệ sinh/người/tháng (K2 Đ24); học viên được tham gia lao động trị liệu và được phân công công việc phù hợp với sức khỏe, độ tuổi, giới tính (Đ27).

31. Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 quy định chính sách hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

32. Quyết định 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 quy định về tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

33. Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 về việc thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Theo Quyết định, đối tượng được miễn thực hiện chế độ luân phiên, gồm: người hành nghề là nữ đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nam nuôi con nhỏ một mình dưới 36 tháng tuổi; người hành nghề đã có thời gian công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ 24 tháng trở lên; người hành nghề có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; người hành nghề là nam quá 55 tuổi, nữ quá 50 tuổi (trừ trường hợp tự nguyện)

34. Quyết định 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 về tín dụng đối với hộ cận nghèo.

35. Quyết định số 692/2013/QĐ-TTg ngày 4/5/2013 Phê duyệt Đề án "Xóa mù chữ đến năm 2020". Theo đó, một trong ba quan điểm chỉ đạo là: Mở rộng độ tuổi xóa mù chữ. Chú trọng xóa mù chữ cho các đối tượng là phụ nữ, trẻ em gái; người khuyết tật; người dân tộc thiểu số và những người sinh sống ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

36. Quyết định số 40/2013/QĐ-TTg ngày 10/7/2013 phê duyệt Chương trình quốc gia xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2013-2017, trong đó quy định về định hướng vận động, trong đó có vận động hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền sử dụng các biện pháp tránh thai an toàn; chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho các nạn nhân khi bị buôn bán trở về.

37. Quyết định số 55/2013/QĐ-TTg ngày 03/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp (thay thế các quy định trước đây về mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp).

38. Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Quyết định này thay thế các Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, số 115/2004/QĐ-TTg ngày 25/6/2004 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành kèm theo Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg).

39. Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn (Quyết định này thay thế Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng).

40. Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

41. Quyết định 2589/QĐ-TTg ngày 26/12/2013 phê duyệt Đề án Tổ chức hoạt động nhân ngày Quốc tế hạnh phúc 20/3 hàng năm.

42. Thông tư số 13/2013/TT-BCT ngày 09/7/2013 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2011/TT-BCT ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công thương, trong đó có quy định về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Thông qua việc ban hành Thông tư, Bộ đã chính thức quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, việc rà soát và tuân thủ các quy định về bình đẳng giới như một thủ tục bắt buộc trong quá trình xây dựng và soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Bộ.

43. Thông tư số 26/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định danh mục công việc không được sử dụng lao động nữ.

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC XÃ ĐƯỢC LỰA CHỌN THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM
MÔ HÌNH NGĂN NGỪA, GIẢM THIỂU BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI
(ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG KHUÔN KHỔ CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA
VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015)

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 106/BC-CP ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2013)

	Tỉnh/Thành phố	Số Mô hình	Xã/ phường thực hiện mô hình
1	An Giang	1	Xã Hòa Bình- huyện Chợ Mới
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	Xã Sơn Bình - huyện Châu Đức
3	Bắc Giang	1	Xã Bích Sơn - huyện Việt Yên
4	Bắc Kạn	1	Xã Tân Sơn- huyện Chợ mới
5	Bạc Liêu	1	Phường 7
6	Bắc Ninh	1	Xã Lạc Vệ- huyện Tiên Du
7	Bến Tre	1	Xã An Thới - huyện Mỏ Cày
8	Bình Định	1	Xã Phước Sơn- huyện Tuy Phước
9	Bình Dương	1	Xã Lai Hùng- huyện Bến Cát
10	Bình Phước	1	Xã Lộc Tấn- huyện Lộc Ninh
11	Bình Thuận	1	Phường Đức Long
12	Cà Mau	1	Xã Tân Lộc- huyện Thới Bình
13	Cần Thơ	1	Xã Thạnh Lộc- huyện Vĩnh Thạnh
14	Cao Bằng	1	Xã Dân Chủ- huyện Hòa An
15	Đà Nẵng	1	Phường Hòa Minh - quận Liên Chiểu
16	Đắk Lắk	1	Xã Hòa Thắng. Tp Buôn Ma Thuột
17	Đắk Nông	1	Xã Nam Đông- huyện Cư Jút
18	Điện Biên	1	Xã Thanh Yên- huyện Điện Biên
19	Đồng Nai	3	Xã Hiệp Hòa- tp Biên Hòa
			Xã Hàng Gòn
			Xã Suối Nho
20	Đồng Tháp	1	Xã Bình Hàng Trung- huyện Cao Lãnh
21	Gia Lai	1	Xã Ia-Bang, huyện Chư prông
22	Hà Giang	1	Xã Phú Linh- huyện Vị Xuyên

23	Hà Nam	1	Xã Liêm Túc- huyện Thanh Liêm
24	Hà Nội	4	Xã Yên trung- huyện Thạch Thất
			Xã Kim Đường
			Xã Tòng Bạt
			Phường Thịnh Liệt
25	Hà Tĩnh	1	Xã Thanh Lộc- huyện Can Lộc
26	Hải Dương	1	Phường Nguyễn Trãi
27	Hải Phòng	1	Xã Tiên Thanh - huyện Tiên Lãng
28	Hậu Giang	1	Xã Hiệp Hưng- huyện Phụng Hiệp
29	Hồ Chí Minh	1	Quận Thủ Đức
30	Hòa Bình	1	Xã Mông Hóa- huyện Kỳ Sơn
31	Hung Yên	1	Xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ
32	Khánh Hòa	1	Xã Vạn Thắng- huyện Vạn Ninh
33	Kiên Giang	1	Xã Vĩnh Hòa - huyện U Minh Thượng
34	Kon Tum	1	Xã Hà Môn- huyện Đăk Hà
35	Lai Châu	6	Xã Năm Khao- huyện Mường Tè
			Xã San Thàng
			Phường Tân Phong
			Đông Phong
			Đoàn Kết
			Quyết Thắng
36	Lâm Đồng	1	Xã Phước Cát I- huyện Cát Tiên
37	Lạng Sơn	1	Xã Mai Pha
38	Lào Cai	1	Xã Bản Lầu- huyện Mường khương
39	Long An	1	Phường 3- tp Tân An
40	Nam Định	1	Xã Nghĩa Trung- huyện Nghĩa Hưng
41	Nghệ An	1	Xã Nam Kim- huyện Nam Đàn
42	Ninh Bình	1	Xã Khánh Nhạc- huyện Yên Khánh
43	Ninh Thuận	1	Xã Cà Ná, huyện Thuận Nam
44	Phú Thọ	1	Huyện Đoan Hùng
45	Phú Yên	1	Xã Sơn Giang - huyện Sông Hinh
46	Quảng Bình	1	Xã Lộc Ninh- tp Đồng Hới

47	Quảng Nam	1	Xã Tiên Châu- huyện Tiên Phước
48	Quảng Ngãi	4	Huyện Ba Tơ;
			Huyện Đức Phổ
			Huyện Sơn Tịnh
			Huyện Bình Sơn
49	Quảng Ninh	1	Phường Nam Hòa- Quảng Yên
50	Quảng Trị	1	Xã Tà Long- huyện Dakrong
51	Sóc Trăng	1	Xã Viên An- huyện Trần Đề;
52	Sơn La	1	Xã Sốp Cộp- huyện Sốp Cộp
53	Tây Ninh	1	Xã Đông Khởi- huyện Châu Thành
54	Thái Bình	1	Xã Xuân Hòa- huyện Vũ Thư
55	Thái Nguyên	1	Xã Văn Lãng- huyện Đồng hỷ
56	Thanh Hóa	1	Phường Trường Thi- tp Thanh Hóa
57	Thừa Thiên Huế	1	Xã Lộc Điền- huyện Phú Lộc
58	Tiền Giang	1	Phường 1, thành phố Mỹ Tho
59	Trà Vinh	1	Xã Nguyệt Hóa- huyện Châu Thành
60	Tuyên Quang	1	Xã Phúc Thịnh- huyện Chiêm Hóa
61	Vĩnh Long	1	Xã Hòa Lộc - huyện Tam Bình
62	Vĩnh Phúc	1	Xã Bồ Sao - huyện Vĩnh Tường
63	Yên Bái	1	Phường Minh Tân- tp Yên Bái
	Tổng	75	

Phụ lục III

**DANH SÁCH 30 XÃ MIỀN NÚI, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ THAM
GIA THỰC HIỆN MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM VỀ DỊCH VỤ TƯ VẤN, HỖ
TRỢ VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI 9 (ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG KHUÔN KHỔ
CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI GIAI ĐOẠN 2011-2015)**
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 133/BC-CP ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ
về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2013)*

STT	XÃ	HUYỆN	TỈNH
1	Ma Lé	Đông Văn	Hà Giang
2	Xuân Lập	Lâm Bình	Tuyên Quang
3	Ca Thành	Nguyên Bình	Cao Bằng
4	Thanh Loà	Cao Lộc	Lạng Sơn
5	Bản Phố	Bắc Hà	Lào Cai
6	Nậm Lành	Văn Chấn	Yên Bái
7	Bộc Bó	Pác Nặm	Bắc Kạn
8	Xuân Sơn	Tân Sơn	Phú Thọ
9	Biên Sơn	Lục Ngạn	Bắc Giang
10	Hua Trai	Mường La	Sơn La
11	Hoang Thèn	Phong Thổ	Lai Châu
12	Sa Lông	Mường Chà	Điện Biên
13	Phú Long	Nho Quan	Ninh Bình
14	Luận Khê	Thường Xuân	Thanh Hoá
15	Tri Lễ	Quế Phong	Nghệ An
16	Hương Liên	Hương Khê	Hà Tĩnh
17	Hồng Bắc	A Lưới	Thừa Thiên Huế
18	Mà Cooih	Đông Giang	Quảng Nam
19	Canh Thuận	Vân Canh	Bình Định
20	Đắk Phơi	Lắk	Đắk Lắk
21	Nâm Nung	Krông Nô	Đắk Nông
22	Đăk Tpang	Kông Chro	Gia Lai
23	Mô Rai	Sa Thầy	Kon Tum
24	Đạ Chais	Lạc Dương	Lâm Đồng

25	Bù Gia Mập	Bù Gia Mập	Bình Phước
26	An Đức	Ba Tri	Bến Tre
27	Long Hiệp	Trà Cú	Trà Vinh
28	Tham Đôn	Mỹ Xuyên	Sóc Trăng
29	Phú Lợi	Giang Thành	Kiên Giang
30	Long Điền	Đông Hải	Bạc Liêu

Phụ lục IV
DANH SÁCH CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC
CHÍNH PHỦ ĐÃ GỬI BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU
QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 16/BC-CP ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2013)

STT	Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	Đã xây dựng Báo cáo	Ghi chú
1	Bộ Công an	X	
2	Bộ Công thương	X	
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	X	
4	Bộ Giao thông Vận tải	X	
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	X	
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	X	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	X	
8	Bộ Ngoại giao	X	
9	Bộ Nội vụ	X	
10	Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	X	
11	Bộ Quốc phòng	X	
12	Bộ Tài chính	X	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	X	
14	Bộ Tư pháp	X	
15	Bộ Thông tin và Truyền thông	X	
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	X	
17	Bộ Xây dựng	X	
18	Bộ Y tế	X	
19	Văn phòng Chính phủ	X	
20	Thanh tra Chính phủ		
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	X	
22	Ủy ban Dân tộc	X	
23	Đài Tiếng nói Việt Nam		
24	Đài Truyền hình Việt Nam	X	
25	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	X	
26	Thông tấn xã Việt Nam		
27	Học Viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	X	
28	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam	X	
29	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	X	
30	Ban Quản lý Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh		

Phụ lục V
DANH SÁCH CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
ĐÃ GỬI BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUỐC GIA
VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10/BC-CP ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2013)

STT	Tỉnh/thành phố trực thuộc TW	Đã xây dựng Báo cáo	Ghi chú
1	Tp Hà Nội	X	
2	Tp Hồ Chí Minh	X	
3	Tp Hải Phòng	X	
4	Tp Đà Nẵng	X	
5	Tp Cần Thơ	X	
6	Cao Bằng	X	
7	Lạng Sơn	X	
8	Lai Châu	X	
9	Điện Biên	X	
10	Hà Giang	X	
11	Sơn La	X	
12	Tuyên Quang	X	
13	Yên Bái	X	
14	Lào Cai		
15	Bắc Kạn	X	
16	Thái Nguyên	X	
17	Phú Thọ	X	
18	Vĩnh Phúc	X	
19	Bắc Giang	X	
20	Bắc Ninh	X	
21	Hòa Bình	X	
22	Quảng Ninh	X	
23	Hải Dương	X	
24	Hưng Yên	X	
25	Thái Bình	X	
26	Hà Nam	X	
27	Nam Định		
28	Ninh Bình	X	
29	Thanh Hóa	X	
30	Nghệ An	X	
31	Hà Tĩnh	X	
32	Quảng Bình	X	
33	Quảng Trị	X	
34	Thừa Thiên Huế	X	

STT	Tỉnh/thành phố trực thuộc TW	Đã xây dựng Báo cáo	Ghi chú
35	Quảng Nam	X	
36	Quảng Ngãi	X	
37	Bình Định	X	
38	Phú Yên	X	
39	Khánh Hòa	X	
40	Ninh Thuận	X	
41	Bình Thuận	X	
42	Gia Lai	X	
43	Kon Tum	X	
44	Đắk Lắk	X	
45	Đắk Nông	X	
46	Lâm Đồng	X	
47	Đông Nai	X	
48	Bà Rịa - Vũng Tàu	X	
49	Long An	X	
50	Tây Ninh	X	
51	Bình Dương	X	
52	Bình Phước	X	
53	Tiền Giang	X	
54	Bến Tre	X	
55	Hậu Giang	X	
56	Sóc Trăng	X	
57	Đồng Tháp		
58	Vĩnh Long		
59	Trà Vinh	X	
60	An Giang	X	
61	Kiên Giang	X	
62	Bạc Liêu	X	
63	Cà Mau	X	